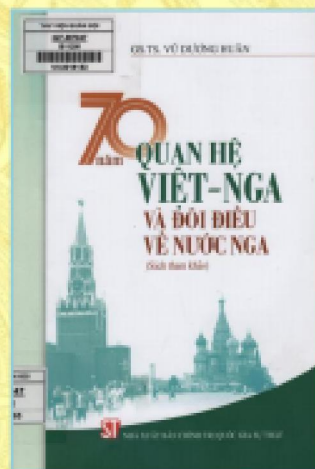
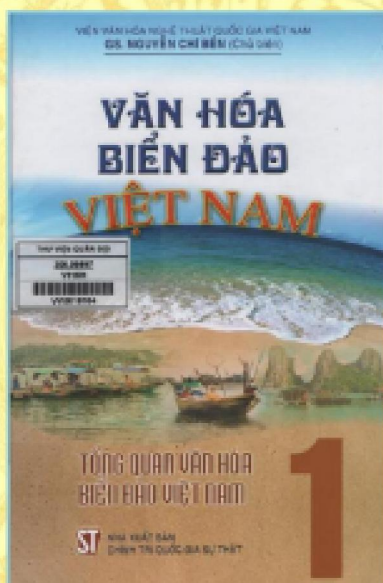
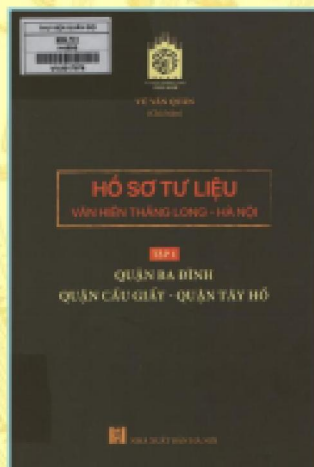




**TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI**

- 0880 -



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{3}{2021}$

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 3 - 2021.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 3/2021 giới thiệu 324 tài liệu bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 08 tài liệu
- Triết học và tâm lý học: 04 tài liệu
- Tôn giáo: 02 tài liệu
- Khoa học xã hội: 193 tài liệu
- Công nghệ: 11 tài liệu
- Nghệ thuật và giải trí: 03 tài liệu
- Văn học: 39 tài liệu

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *Báo chí, truyền thông hiện đại*: Thực tiễn, vấn đề, nhận định/ *Tạ Ngọc Tấn*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 439tr.; 24cm.

**079.597 B108C/M.176530 - M.176531; MP.0036524 - MP.0036525;
VV.0018124 - VV.0018125**

002. *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật - 75 năm xây dựng và phát triển (1945 - 2020)*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 287tr.; 24cm.

070.59509597 Nh100X/VV.0018121, VV.0018414

003. *Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật - 60 năm xây dựng và phát triển (1960 - 2020)*. - H.: Khoa học và xã hội, 2020. - 589tr.; 24cm.

070.5909597 Nh100X/VV.0018119

004. *Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật - Tin yêu và tự hào*. - H.: Khoa học và xã hội, 2020. - 251tr.; 24cm.

070.5909597 Nh100X/VV.0018120

005. *Những tấm gương ham đọc sách và tự học thời đại Hồ Chí Minh/ Vũ Dương Thúy Nga*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2016. - 200tr.; 21cm.

028.800922597 Nh556T/M.176583

006. *Những tấm gương ham đọc sách và tự học thời đại Hồ Chí Minh/ Vũ Dương Thúy Nga*. - Tái bản có bổ sung. - H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 247tr.; 21cm.

028.800922597 Nh556T/M.176582

007. *Nửa thế kỷ công nghệ thông tin Việt Nam: Dấu ấn người lính*. - H.: Thế giới, 2019. - 642tr.; 24cm.

**004.09597 N551T/M.176392 - M.176393; MP.0036411 - MP.0036412;
VV.0017941 - VV.0017942**

008. *Số 23 - Phố Nhà binh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 303tr.; 21cm.

070.509597 S450H/LC.0015657 - LC.0015658; M.176523

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

009. *Học cách không nuôi tiếc/ Biên soạn: Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Hoàng Thu Hà*. - H.: Thanh niên, 2018. - 323tr.; 21cm.

158.1 H419C/M.176521

010. *Học cách yêu thương/ Biên soạn: Phạm Hương Quỳnh, Nguyễn Phương Anh.* - H.: Thanh niên, 2018. - 235tr.; 21cm.

158.2 H419C/M.176522

011. *Khổng học đăng:* Theo bản in của Khai Trí 1973/ *Phan Bội Châu.* - H.: Dân trí, 2020. - 1175tr.; 24cm.

181.112 Kh455H/VV.0018180 - VV.0018181

012. *Triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại/ Lê Công Sự.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 479tr.; 21cm.

182 Tr308H/M.176536 - M.176537; MP.0036530 - MP.0036531

200 - TÔN GIÁO

013. *Cẩm nang về tín ngưỡng, tôn giáo/ Đỗ Lan Hiền chủ biên.* - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 219tr.; 21cm.

200.9597 C120N/M.176544 - M.176545; MP.0036538 - MP.0036539

014. *Tôn giáo và hòa bình trong thế kỷ XXI:* Sách tham khảo/ *Harvey G. Cox, Ikeda Daisaku; Trần Quang Tuệ dịch.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 183tr.; 21cm.

201.7 T454G/M.176548 - M.176549; MP.0036542 - MP.0036543;
VN.0081658 - VN.0081659

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

015. *Cộng đồng người Việt ở Campuchia - Thực trạng và gợi ý chính sách đối với Việt Nam:* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quốc tế học: 60310206/ *Nguyễn Quỳnh Mai.* - H.: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2018. - 93tr.; 30cm + + Phụ lục

305.8 C455Đ/LV.00009836

016. *Dân cư Thăng Long - Hà Nội/ Đỗ Thị Minh Đức, Nguyễn Việt Thịnh.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 330tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

304.60959731 D121C/VV.0017946

017. *Gia đình Thăng Long - Hà Nội/ Lê Thị Quý.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 455tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

306.850959731 Gi-100Đ/VV.0017950

018. *Giáo trình văn hóa và phát triển:* Dành cho đào tạo, hoàn chỉnh kiến thức cao cấp lý luận chính trị trong các nhà trường quân đội/ *Chủ biên: Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Đình Bắc.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 174tr.; 27cm.

306.40711 Gi-108T/LCV.0002349 - LCV.0002350; M.176280 -
M.176281 - M.176282; MP.0036308 - MP.0036309

- 019. *Phụ nữ Thăng Long - Hà Nội*/ Nguyễn Ngọc Mai biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 407tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)**
305.420959731 Ph500N/VV.0017957
- 020. *Thời cuộc và văn hóa/ Hồ Quang Lợi.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 523tr.; 21cm.**
306.09597 Th462C/M.176518
- 021. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Nguyễn Chí Bền chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 647tr.; 24cm.**
T.1: Tổng quan văn hóa biển đảo Việt Nam
306.09597 V115H/VV.0018104
- 022. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Từ Thị Loan chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 327tr.; 24cm.**
T.2: Văn hóa biển đảo vùng Đông Bắc Bộ
306.095973 V115H/VV.0018080
- 023. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Vũ Anh Tú chủ biên.*- H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 418tr.; 24cm.**
T.3: Văn hóa biển đảo vùng Bắc Trung Bộ
306.095974 V115H/VV.0018081
- 024. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Đỗ Thị Thanh Thủy chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 463tr.; 24cm.**
T.4: Văn hóa ven biển vùng Nam Trung Bộ
306.095975 V115H/VV.0018078
- 025. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Bùi Quang Thanh chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 291tr.; 24cm.**
T.5: Văn hóa đảo và quần đảo vùng Nam Trung Bộ
306.095975 V115H/VV.0018079
- 026. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Đinh Văn Hạnh chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 351tr.; 24cm.**
T.6: Văn hóa ven biển vùng Đông Nam Bộ
306.095977 V115H/VV.0018076
- 027. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Phạm Lan Oanh chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 307tr.; 24cm.**
T.7: Văn hóa biển đảo vùng Tây Nam Bộ
306.095979 V115H/VV.0018074
- 028. *Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Bùi Quang Thanh chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 291tr.; 24cm.**
T.8: Văn hóa biển đảo Phú Quốc

306.0959795

V115H/VV.0018077

029. Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Bùi Hoài Sơn chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 424tr.; 24cm.

T.9: Quản lý văn hóa biển đảo Việt Nam

306.09597

V115H/VV.0018075

030. Xây dựng và thực hiện chính sách phát triển thanh niên Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư/ Trần Văn Miêu. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 319tr.; 21cm.

305.23509597

**X126D/M.176465 - M.176466; MP.0036479 - MP.0036480;
VN.0081609 - VN.0081610**

320 - Khoa học Chính trị

031. Bước chuyển tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX: Giá trị và bài học lịch sử/ Phạm Đào Thịnh. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 350tr.; 21cm.

320.532309597

B557C/M.176538 - M.176539; MP.0036532 - MP.0036533;

VN.0081650 - VN.0081651

032. Chủ quyền biển đảo và biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tiến tới vì hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, phát triển/ Quý Lâm sưu tầm. - H.: Hồng Đức, 2016. - 419tr.; 27cm.

320.15

Ch500Q/VV.0018108 - VV.0018109

033. Công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam trong tình hình mới/ Quý Lâm sưu tầm. - H.: Hồng Đức, 2019. - 399tr.; 27cm.

320.15

C455T/VV.0018115 - VV.0018116

034. Đổi mới giáo dục lý luận chính trị cho học viên sĩ quan kỹ thuật quân sự hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh/ Vũ Tuấn. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 259tr.; 21cm.

320.0711597

Đ452M/M.176388 - M.176389; MP.0036409 - MP.0036410;

VN.0081597 - VN.0081598; M.176238 - M.176239; MP.0036268 - MP.0036269;

VN.0081554 - VN.0081555

035. Đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc với việc giữ vững chủ quyền quốc gia: Sách chuyên khảo/ Phạm Thị Hoàng Hà chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 95tr.; 21cm.

320.12095971

Đ455B/LC.0015750 - LC.0015751

036. Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật/ Nguyễn Minh Đoan. - Tái bản lần 4, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 506tr.; 24cm.

320.10711

Gi-108T/M.176378 - M.176379; MP.0036399 - MP.0036400;

VV.0017935 - VV.0017936

037. *Lịch sử các học thuyết chính trị/* *Đồng chủ biên: Nguyễn Đăng Dung, Lê Thị Thanh Lai.* - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 513tr.; 24cm.

**320.01 L302S/M.176481 - M.176482; MP.0036494 - MP.0036495;
VV.0018088 - VV.0018089**

038. *Nước Mỹ nổi giận - Cuộc chia rẽ chính trị sâu sắc:* Sách tham khảo/ *Alison Dagnes;* *Ng. dịch: Trọng Minh, Anh Đức.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 396tr.; 24cm.

**320.973 N557M/M.176588 - M.176589; MP.0036577 - MP.0036578;
VV.0018164 - VV.0018165**

039. *Phân tích và đánh giá chính sách/* *Nguyễn Văn Phúc.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 430tr.; 24cm.

**320.6 Ph121T/M.176461 - M.176462; MP.0036475 - MP.0036476;
VV.0018055 - VV.0018056**

040. *Quá trình dân chủ hóa ở Indônêxia từ năm 1945 đến nay - Nhìn từ góc độ giai cấp trung lưu và xã hội dân sự:* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Đông Nam Á học: 62315010/ *Hồ Thị Thành.* - H.: Trường Đại học Xã hội và Nhân văn, 2015. - 173tr.; 30cm ++ Phụ lục

320.9598 Qu100T/LV.00009829

041. *Quốc gia và siêu quốc gia:* Sách tham khảo/ *Trần Cương; Ng. dịch: Văn Tân, Nguyễn Dương.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 574tr.; 24cm.

**321.04 Qu451G/M.176372 - M.176373; MP.0036393 - MP.0036394;
VV.0017929 - VV.0017930**

042. *Vai trò của giới doanh nhân trong nền chính trị Thái Lan hiện đại: Trường hợp của cựu Thủ tướng Thaksin Shinawatra:* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học: 62310201/ *Nguyễn Đình Thuận.* - H.: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2016. - 152tr.; 30cm ++ Phụ lục

320.9593 V103T/LV.00009831

324 - *Quá trình chính trị*

043. *30 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/* *Nguyễn Xuân Thắng, Phùng Hữu Phú, Tạ Ngọc Tấn....* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 375tr.; 24cm.

**324.2597075 B100M/M.176455 - M.176456 - M.176457; MP.0036470 -
MP.0036471 - MP.0036472; VV.0018046 - VV.0018047 - VV.0018048 - VV.0018049**

044. *Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1930 - 2019)/* *Phạm Chí Thành chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 544tr.; 24cm.

324.2597075 B105C/VV.0018059 - VV.0018060

045. *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 191tr.; 19cm.

324.2597075

B108C/VN.0081621 - VN.0081622

046. Các tác phẩm đoạt giải Búa liềm vàng (2016 - 2019). - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 1003tr.; 24cm.

324.2597075

C101T/M.176526 - M.176527; MP.0036520 - MP.0036521;

VV.0018122 - VV.0018123

047. Cách mạng Tháng Tám - Xây dựng và củng cố chính quyền 1945 - 1946: Văn kiện Đảng và Nhà nước. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 663tr.; 24cm.

324.2597075

C102M/M.176370 - M.176371; MP.0036391 - MP.0036392;

VV.0017927 - VV.0017928

048. Chặt cành để cứu cây/ Phạm Văn Huân, Nguyễn Văn Minh. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 510tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

324.2597075

Ch118C/M.176394 - M.176395; MP.0036415 - MP.0036416;

VV.0017974 - VV.0017975

049. Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 498tr.; 24cm.

324.2507075

Gi-103P/M.176218 - M.176219; MP.0036248 - MP.0036249;

VV.0017892 - VV.0017893

050. Hỏi - đáp về kết quả 10 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)/ Nguyễn Viết Thông. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 127tr.; 19cm.

324.2597075

H428Đ/M.176594 - M.176595; MP.0036583 - MP.0036584;

VN.0081667 - VN.0081668

051. Lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh Phú Yên (1945 - 2020)/ Biên soạn: Nguyễn Văn Viễn, Nguyễn Phước. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 548tr.; 24cm.

324.2597075

L302S/MP.0036312 - MP.0036313; VV.0017898 -

VV.0017899

052. Lịch sử Đảng bộ Sư đoàn 3 (1965 - 2020)/ Dương Văn Quang,.... - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 654tr.; 24cm.

324.2597075

L302S/LCV.0002360; MP.0036588 - MP.0036589;

VV.0018195 - VV.0018196

053. Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân phường 11 quận Gò Vấp (1930 - 2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 291tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0015338 - LC.0015339; MP.0036612 -

MP.0036613; VN.0081706 - VN.0081707

054. Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 294tr.; 21cm.

324.2597075 Nh556Đ/M.0176630 - M.0176631; MP.0036558 - MP.0036559; VN.0081714 - VN.0081715

055. *Tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 613tr.; 24cm.

324.2597075 T116C/M.176584 - M.176585; MP.0036573 - MP.0036574; VV.0018160 - VV.0018161

056. *Tiến trình nhận thức của Đảng cộng sản Trung Quốc về tôn giáo từ năm 1949 đến nay.* Sách chuyên khảo/ *Phạm Thanh Hằng.* - H.: Lý luận chính trị, 2020. - 298tr.; 24cm.

324.251075 T305T/M.176475 - M.176476; MP.0036493; VV.0018082 - VV.0018083

057. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019; 24cm.

P.1: Đại hội VI, VII, VIII, IX. - 1140tr.

324.2597075 V115K/M.173655, M.176474; V.0017257 - V.0017258; VV.0018058

P.2: Đại hội X, XI, XII. - 875tr.

324.2597075 V115K/M.173656, M.176473; V.0017259 - V.0017260; VV.0018057

058. *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Phạm Thị Nhàn chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 898tr.; 24cm.

T.3: 1951

324.2597075 V115K/M.176599; VV.0018170 - VV.0018171

059. *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Đinh Hữu Long chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 1018tr.; 24cm.

T.4: 1952

324.2597075 V115K/M.176600; VV.0018172 - VV.0018173

060. *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Nguyễn Thị Hồng Phụng chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 1039tr.; 24cm.

T.5: 1953 - 9/1954

324.2597075 V115K/M.176598; VV.0018168 - VV.0018169

061. *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Đỗ Quốc Toán chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 1025tr.; 24cm.

T.6: 10/1954 - 1956

324.2597075 V115K/M.176214 - M.176215; MP.0036245; VV.0017888 - VV.0017889

062. *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Nguyễn Thị Hạnh chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 1084tr.; 24cm.

T.7: 1957 - 1960

324.2597075 V115K/M.176570; VV.0018146 - VV.0018147

063. Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Trần Minh Hoàng chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 1199tr.; 24cm.

T.10: 1964 - 1965

324.2597075 V115K/M.176212 - M.176213; MP.0036244; VV.0017886 - VV.0017887

064. Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Trịnh Quang Rung chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 846tr.; 24cm.

T.14: 1970

324.2597075 V115K/M.176571; VV.0018174 - VV.0018175

065. Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 966tr.; 24cm.

T.15: 1971

324.2597075 V115K/M.176566 - M.176567; VV.0018142 - VV.0018143

066. Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Nguyễn Thị Hải chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 1014tr.; 24cm.

T.17: 1973

324.2597075 V115K/M.176568 - M.176569; VV.0018144 - VV.0018145

067. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 280tr.; 21cm.
trị.

324.2597075 X126D/VN.0081617 - VN.0081618

327 - Quan hệ quốc tế

068. 70 năm quan hệ Việt - Nga và đôi điều về nước Nga: Sách tham khảo/ Vũ Dương Huấn. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 207tr.; 24cm.

327.597047 B112M/M.176576 - M.176577; MP.0036565 - MP.0036566; VV.0018152 - VV.0018153

069. ASEAN trong chiến lược nước lớn. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 302tr.; 24cm.

327.59 A109T/M.176574 - M.176575; MP.0036563 - MP.0036564; VV.0018150 - VV.0018151

070. Cấu trúc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Lý luận và thực tiễn/ Hoàng Khắc Nam chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 415tr.; 21cm.

327.5 C125T/M.176542 - M.176543; MP.0036536 - MP.0036537; VN.0081654 - VN.0081655

071. Ngoại giao chuyên biệt - Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm

2030: Sách chuyên khảo/ *Vũ Lê Thái Hoàng chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 387tr.; 21cm.

**327.597 Ng404G/M.176469 - M.176470; MP.0036483 - MP.0036484;
VN.0081613 - VN.0081614**

072. *Quan hệ Việt Nam với một số nước lớn những năm đầu thế kỷ XXI:* Sách tham khảo/ *Nguyễn Thị Quế.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 487tr.; 24cm.

327.597 Qu121H/VV.0018066 - VV.0018067

073. *Thanh Thục Lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XVII - Đầu thế kỷ XX/ Hồ Bạch Thảo.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 575tr.

327.597051 Th107T/VV.0017971

T.2. - 623tr.

327.597051 Th107T/VV.0017970

330 - Kinh tế học

074. *Chính sách kinh tế của Philippines kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á đến nay:* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 9310106/ *Nguyễn Tuấn Anh.* - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2019. - 159tr.; 30cm + + Phụ lục

33(N599) Ch312S/LV.00009824

075. *Đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp nhà nước Việt Nam vào Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào:* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị: 62310102/ *Nguyễn Văn Thắng.* - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2014. - 174tr.; 30cm + + Phụ lục

332.6735970594 Đ125T/LV.00009828

076. *Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:* Thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách/ *Chủ biên: Vũ Văn Hà, Đoàn Minh Huấn.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 454tr.; 24cm.

**330.1209597 M452Q/M.176580 - M.176581; MP.0036569 - MP.0036570;
VV.0018156 - VV.0018157**

077. *Một số vấn đề về chiến lược cường quốc biển của Trung Quốc:* Sách tham khảo nội bộ/ *Hà Anh Tuấn chủ biên, Hoàng Thị Lan, Nguyễn Đăng Dương.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 402tr.; 21cm.

333.91640951 M458S/VN.0081644 - VN.0081645

078. *Nền kinh tế 99% - Cách thức chủ nghĩa xã hội vượt qua các cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản:* Sách tham khảo/ *Paul S. Adler; An Khánh dịch.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 407tr.; 24cm.

**330.122 N254K/M.176534 - M.176535; MP.0036528 - MP.0036529;
VV.0018128 - VV.0018129**

079. Kinh tế biển xanh - Các vấn đề và cách tiếp cận cho Việt Nam: Sách tham khảo/ *Nguyễn Chu Hồi chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 444tr.; 24cm.

333.916409597 K312T/M.176590 - M.176591; MP.0036579 - MP.0036580;
VV.0018166 - VV.0018167

080. Kinh tế đối ngoại Thăng Long - Hà Nội/ Chủ biên: Nguyễn Quang Lân, Tô Xuân Dân. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 639tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

337.59731 K312T/VV.0017951

081. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại vùng kinh tế trọng điểm miền trung trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế học: 9310101/ *Ngô Trần Xuất.* - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2018. - 161tr.; 30cm + + Phụ lục

332.673095974 Th500H/LV.00009833

331 - Kinh tế học

082. Di chuyển lao động có kỹ năng của Việt Nam trong ASEAN: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế: 9340410/ *Hà Thị Minh Đức.* - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2018. - 157tr.; 30cm + + Phụ lục

331.54409597 D300C/LV.00009858

083. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Nguyễn Lan Hương.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 91tr.; 30cm + + Phụ lục

331.1109597 N122C/LAV.0009789

084. Phát triển nguồn nhân lực quản trị tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh: 9340101/ *Nguyễn Thị Hồng Thúy.* - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2018. - 172tr.; 30cm + + Phụ lục

331.1109597 Ph110T/LV.00009825

085. Thu hút kiều dân để phát triển khoa học và công nghệ: Kinh nghiệm Hàn Quốc và hàm ý cho Việt Nam: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 9310106/ *Phạm Mạnh Hùng.* - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2018. - 172tr.; 30cm + + Phụ lục

331.7616 Th500H/LV.00009826

335 - Chủ nghĩa xã hội

086. Bác Hồ của nhân dân: Tập bút ký - tiểu luận chọn lọc/ *Nguyễn Uyển.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 451tr.; 23cm.

335.4346 B101H/M.176463 - M.176464; MP.0036477 - MP.0036478;
VV.0018053 - VV.0018054

087. Chân lý và sự thật/ Vũ Hoàng Công. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 327tr.; 24cm.

335.43 Ch121L/M.176376 - M.176377; MP.0036397 - MP.0036398;
VV.0017933 - VV.0017934

088. *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*: Dành cho đào tạo, hoàn chỉnh kiến thức cao cấp lý luận chính trị trong các nhà trường quân đội/ *Lưu Ngọc Khải chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 246tr.; 27cm.

335.4230711 Gi-108T/LCV.0002344 - LCV.0002345; M.176277 - M.176278 - M.176279; MP.0036306 - MP.0036307

089. *Hỏi - đáp triết học Mác - Lênin*: Dành cho hệ đại học không chuyên ngành lý luận chính trị/ *Trần Thị Thùy Linh*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 163tr.; 21cm.

335.4110711 H428Đ/M.176467 - M.176468; MP.0036481 - MP.0036482; VN.0081611 - VN.0081612

090. *Hồ Chí Minh: Danh ngôn tư tưởng - đạo đức*/ *Nguyễn Như Ý chủ biên, Nguyễn Thế Kỷ, Phạm Quốc Cường*. - H.: Thông tấn, 2020. - 613tr.; 24cm.

Nam, về tư cách đạo đức, tác phong của người cán bộ

335.4346 H450C/VV.0018063, VV.0018114

338 - Sản xuất

091. *Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Thái Lan và Malaysia sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu và bài học cho Việt Nam*: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 9310106/ *Đặng Thành Chung*. - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2018. - 168tr.; 30cm ++ Phụ lục

338.9 Ch527Đ/LV.00009832

092. *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Phạm Thị Kiên*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 207tr.; 24cm.

338.09597 C455N/M.176222 - M.176223; MP.0036252 - MP.0036253; VV.0017894 - VV.0017895

093. *Giáo trình kinh tế phát triển*: Dành cho đào tạo, hoàn chỉnh kiến thức cao cấp lý luận chính trị trong các nhà trường quân đội/ *Nguyễn Trọng Xuân chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 222tr.; 27cm.

338.900711 Gi-108T/LCV.0002341 - LCV.0002342; M.176274 - M.176275 - M.176276; MP.0036304 - MP.0036305

094. *Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại*: Sách chuyên khảo/ *Trần Thị Vân Hoa chủ biên*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 355tr.; 24cm.

338.9597 H250T/M.176374 - M.176375; MP.0036395 - MP.0036396; VV.0017931 - VV.0017932

095. *Phát triển du lịch Mice ở một số nước châu Á và bài học cho Việt Nam*: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 9310106/ *Đào Thị Kim Biên*. - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2018. - 174tr.; 30cm ++ Phụ lục

338.47915 Ph110T/LV.00009835

340 - Luật pháp

096. Cẩm nang pháp luật ngân hàng (Nhận diện những vấn đề pháp lý)/ Trương Thanh Đức. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 579tr.; 24cm.

346.597082 C120N/M.176382 - M.176383; MP.0036403 - MP.0036404; VV.0017939 - VV.0017940

097. Chính sách pháp luật - Những vấn đề lý luận và thực tiễn/ Võ Khánh Vinh. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 632tr.; 24cm.

340.109597 Ch312S/M.176578 - M.176579; MP.0036567 - MP.0036568; VV.0018154 - VV.0018155

098. Hệ thống văn bản pháp quy về xây dựng và quản lý Hà Nội từ 1885 đến 1954/ Đào Thị Diễm. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 651tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

349.59731 H250T/VV.0017959

099. Mô hình kiểm định chất lượng đầu vào công chức của một số quốc gia trên thế giới và khuyến nghị đối với Việt Nam/ Đặng Xuân Hoan chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 214tr.; 21cm.

352.6509597 M450H/M.176232 - M.176233; MP.0036262 - MP.0036263; VN.0081548 - VN.0081549

100. Tuyển dụng công chức dựa trên năng lực - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Hồng Hải chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 239tr.; 21cm.

352.6509597 T527D/M.176236 - M.176237; MP.0036266 - MP.0036267; VN.0081552 - VN.0081553

101. Xây dựng tòa án nhân dân xứng đáng là biểu tượng của công lý, lẽ phải và niềm tin/ Nguyễn Hòa Bình. - Xuất bản lần 2, có bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 578tr.; 24cm.

347.0109597 X126D/M.176216 - M.176217; MP.0036246 - MP.0036247; VV.0017890 - VV.0017891

342 - Luật hiến pháp và hành chính

102. Chỉ dẫn pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính/ Trương Hồng Quang. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 243tr.; 21cm.

342.59706 Ch300D/M.176228 - M.176229; MP.0036258 - MP.0036259; VN.0081544 - VN.0081545

103. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (Hiện hành). - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 107tr.; 19cm.

342.5970702632 L504B/M.176624 - M.176625 - M.176626; VN.0081712 - VN.0081713

104. Luật Tổ chức Quốc hội (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2020). - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 91tr.; 19cm.

342.59705702632 L504T/M.176621 - M.176622 - M.176623; VN.0081710 - VN.0081711

105. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lập hiến - Nội dung và giá trị/ Lê Thị Hằng. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 219tr.; 21cm.

342.597029 T550T/M.176540 - M.176541; MP.0036534 - MP.0036535; VN.0081652 - VN.0081653

343 - Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại, công nghiệp

106. Các văn bản quy định về chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công với cách mạng và các chế độ chi tiêu khác. - H.: Quân đội nhân dân, 2017; 27cm.

Lưu hành nội bộ

Q.13. - 860tr.

343.59701 C101V/LCV.0001794 - LCV.0001795; MP.0036517; V 15838 - V 15839

Q.14. - 860tr.

343.59701 C101V/LCV.0001790 - LCV.0001791; MP.0036516; V 15840 - V 15841

107. Luật dân quân tự vệ năm 2019. - H.: Lao động, 2020. - 63tr.; 19cm.

343.59701537 L504D/M.176504 - M.176505; MP.0036512 - MP.0036513; VN.0081637 - VN.0081638

108. Luật giao thông đường bộ - Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. - H.: Lao động, 2020. - 375tr.; 19cm.

343.597094 L504G/M.176498 - M.176499; MP.0036506 - MP.0036507; VN.0081631 - VN.0081632

109. Luật lực lượng dự bị động viên năm 2019. - H.: Lao động, 2019. - 47tr.; 19cm.

343.59701537 L504L/M.176502 - M.176503; MP.0036510 - MP.0036511; VN.0081635 - VN.0081636

110. Pháp luật và đạo đức báo chí: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Trường Giang chủ biên. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 185tr.; 24cm.

343.5970998 Ph109L/M.176489 - M.176490; MP.0036500 - MP.0036501; VV.0018096 - VV.0018097

111. Thông tư quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa, tinh thần trong Quân đội nhân dân Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 66tr.; 19cm.

343.597 Th455T/MP.0036514 - MP.0036515; VN.0081646 - VN.0081647

112. Xây dựng môi trường pháp lý bảo đảm sự phát triển bền vững và lành mạnh của kinh tế tư nhân/ Đồng chủ biên: Nguyễn Thị Quế Anh, Lê Thị Hoài Thu. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 471tr.; 24cm.

343.59707 X126D/M.176459 - M.176460; MP.0036473 - MP.0036474; VV.0018051 - VV.0018052

344 - Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

113. Bộ luật Lao động năm 2019. - H.: Lao động, 2020. - 191tr.; 19cm.

344.59701 B450L/M.176496 - M.176497; MP.0036504 - MP.0036505; VN.0081629 - VN.0081630

114. Hỏi - đáp Bộ Luật lao động năm 2019/ Phạm Thanh Hữu. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 439tr.; 21cm.

344.59701 H428Đ/M.176384 - M.176385; MP.0036405 - MP.0036406; VN.0081593 - VN.0081594

115. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - H.: Hồng Đức, 2020. - 77tr.; 21cm.

344.59704461 L504P/M.176493; VN.0081625 - VN.0081626

116. Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. - H.: Lao động, 2020. - 91tr.; 19cm.

344.597002632 L504T/M.176500 - M.176501; MP.0036508 - MP.0036509; VN.0081633 - VN.0081634

117. Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền theo pháp luật môi trường Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Võ Trung Tín. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 302tr.; 21cm.

344.597046 Ng527T/M.176224 - M.176225; MP.0036254 - MP.0036255; VN.0081540 - VN.0081541

345 – Luật hình sự

118. 75 năm hình thành, phát triển của hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam và định hướng tiếp tục hoàn thiện (1945 - 2020): Sách chuyên khảo/ Lê Cẩm. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 735tr.; 24cm.

345.597 B112M/M.176586 - M.176587; MP.0036575 - MP.0036576; VV.0018162 - VV.0018163

119. Hỏi - đáp pháp luật thi hành án hình sự. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 270tr.; 19cm.

345.597052 H428Đ/M.176596 - M.176597; MP.0036585 - MP.0036586; VN.0081669 - VN.0081670

120. *Pháp luật tổ tụng hình sự với việc bảo vệ quyền con người*/ Nguyễn Văn Tuấn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 608tr.; 24cm.

345.597 Ph109L/M.176483 - M.176484; MP.0036496 - MP.0036497; VV.0018090 - VV.0018091

121. *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự*: Sách chuyên khảo/ *Trịnh Tiến Việt*. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 418tr.; 21cm.

345.59704 Tr102N/M.176592 - M.176593; MP.0036581 - MP.0036582; VN.0081665 - VN.0081666

350 – Hành chính và quân sự

353 - Lĩnh vực cụ thể của hành chính công

122. *Nâng cao hiệu quả giám sát của cơ quan dân cử đối với việc thực thi chính sách, pháp luật về an sinh xã hội ở Việt Nam*/ *Bùi Sỹ Lợi chủ biên*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 450tr.; 24cm.

353.509597 N122C/M.176572 - M.176573; MP.0036561 - MP.0036562; VV.0018148 - VV.0018149

123. *Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*/ *Hà Ngọc Anh*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 250tr.; 24cm.

353.709597 Qu105L/M.176380 - M.176381; MP.0036401 - MP.0036402; VV.0017937 - VV.0017938

124. *Quản lý nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ *Mai Ngọc Anh chủ biên*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 527tr.; 24cm.

353.80951 Qu105L/VV.0018068 - VV.0018069

355 – Khoa học quân sự

125. *35 năm Viện và Ngành Lịch sử quân sự Việt Nam (1981 - 2016)*/ *Trương Mai Hương chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 899tr.; 24cm

355.009597 B100N/LCV 1607 - LCV 1608; VV.0017921

126. *36 mưu kế và thuật xử thế (Toàn tập)*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 459tr.; 24cm.

355.00951 B100M/M.176612 - M.176613; VV.0018191 - VV.0018192

127. *Biên niên sự kiện Bộ Tổng tham mưu*: Vương Văn Yên chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 284tr.; 27cm.

T.12 : 1976 - 1977

355.009597 B305N/LCV.0002406; MP.0036587; VV.0018193 - VV.0018194

- 128. *Binh pháp Tôn Tử/ Tôn Vũ.*** - H.: Hồng Đức, 2020. - 647tr.; 21cm.
355.42 B312P/M.176627 - M.176628; VN.0081684 - VN.0081685
- 129. *Binh thư yếu lược:*** Phụ: Hồ trưởng khu cơ/ *Trần Hưng Đạo.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 447tr.; 24cm.
355.42 B312T/M.176606 - M.176607; VV.0018178 - VV.0018179
- 130. *Binh thư yếu lược:*** Phụ: Hồ trưởng khu cơ/ *Trần Hưng Đạo; Đào Duy Anh hiệu đính; dịch: Nguyễn Ngọc Tỉnh, Đỗ Ngọc Khương.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 447tr.; 24cm.
355.009597 B312T/M.0176632 - M.0176633; VV.0018205 - VV.0018206
- 131. *Bộ đội cụ Hồ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân/ Ngô Xuân Lịch.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 1156tr.; 24cm.
355.009597 B450Đ/LCV.0002373 - LCV.0002374; M.176402 - M.176403 - M.176404; MP.0036423 - MP.0036424 - MP.0036425; VV.0018028 - VV.0018029 - VV.0018030 - VV.0018031
- 132. *Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2020):*** Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 964tr.; 24cm.
355.009597 B450T/LCV.0002356; M.176366; VV.0017919 - VV.0017920
- 133. *Công ty Cổ phần 22 - 50 năm xây dựng và trưởng thành (1970 - 2020)/ Biên soạn: Vũ Tuấn Anh, Trần Đình Quang, Lê Thanh Hải.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 24cm.
355.009597 C455T/LCV.0002357; MP.0036592 - MP.0036593; VV.0018203 - VV.0018204
- 134. *Cục Xăng dầu - Biên niên sự kiện (1995 - 2020).*** - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 644tr.; 24cm.
355.41109597 C506X/LCV.0002260; MP.0036310 - MP.0036311; VV.0017896 - VV.0017897
- 135. *Đánh giá khả năng sử dụng cơ cấu chạm nổ toàn phương trong ngòi lựu đạn cầm tay:*** Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - Đạn: 8520101/ *Lê Vũ Khánh Hiền.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 75tr.; 30cm + + Phụ lục
355.809597 Đ107G/LAV.0009795
- 136. *Giải pháp hoàn thiện năng lực quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban Quản lý dự án Viện Vũ khí/ Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng:*** Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Vũ Văn Chiến.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 88tr.; 30cm + + Phụ lục
355.809597 Gi-103P/LAV.0009808
- 137. *Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ tại Nhà máy***

Z181 - Tổng cục Công nghiệp quốc phòng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 78tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597

Gi-103P/LAV.0009782

138. Giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của Phân viện Hóa - Môi trường thuộc Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Phạm Thị Huế*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 85tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597

Gi-103P/LAV.0009798

139. Hoạch định chiến lược hoạt động của Tổng công ty kinh tế, kỹ thuật công nghiệp quốc phòng giai đoạn 2018-2023: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học công nghệ: 60340412/ *Phan Tiến Thọ*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 89tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597

H403Đ/LAV.0009817

140. Kỷ yếu Đại hội thi đua quyết thắng toàn quân lần thứ X/ Lê Xuân Sang biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 412tr.; 21cm.

355.13

K600Y/LC.0015198 - LC.0015199; VN.0081664

141. Kỷ yếu hội thảo khoa học 70 năm quan hệ hợp tác quốc phòng Việt Nam - Liên Xô/Liên bang Nga về đào tạo cán bộ (1950 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 487tr.; 21cm.

355.03109597047

K600Y/LC.0015377; MP.0036602 - MP.0036603;

VN.0081696 - VN.0081697

142. Lịch sử bộ đội chủ lực mặt trận Tây Nguyên Quân đoàn 3 (1964 - 2005). - H.: Quân đội nhân dân, 2005. - 887tr.; 21cm.

355.009597

L302S/VN.0081599

143. Lịch sử Cục Hậu cần Quân đoàn 4 (1974 - 2019)/ Ngô Văn Tấn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 472tr.; 24cm.

355.009597

L302S/LCV.0002505; MP.0036590 - MP.0036591;

VV.0018199 - VV.0018200

144. Lịch sử Cục Khoa học quân sự (1958 - 2018). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 683tr.; 22cm.

355.009597

L302S/VN.0081649

145. Lịch sử Đảng bộ Kho J112 (1950 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 475tr.; 22cm.

355.75

L302S/LC.0015333; MP.0036594 - MP.0036595; VN.0081688 -

VN.0081689

146. Lịch sử lực lượng vũ trang Thành phố Phan Thiết (1945 - 2015)/ Trương Ngọc Minh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 351tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015877 - LC.0015878; MP.0036320 - MP.0036321; VN.0081572 - VN.0081573

147. Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Bến Tre (1945 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 293tr.; 24cm.

T.1: 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)

355.009597 L302S/LCV.0002489; MP.0036314 - MP.0036315; VV.0017900 - VV.0017901

148. Lịch sử Nhà xuất bản Quân đội nhân dân (1950 - 2020)/ Lê Tuấn Đạt biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 501tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015729; MP.0036316 - MP.0036317; VN.0081568 - VN.0081569

149. Lịch sử quân báo - trình sát tỉnh Tiền Giang (1940 - 2018)/ Biên soạn: Đoàn Văn Đạo, Nguyễn Thanh Nhân. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 360tr.; 21cm.

355.413 L302S/LC.0015367 - LC.0015368; MP.0036604 - MP.0036605; VN.0081698 - VN.0081699

150. Lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng (Hỏi và đáp)/ Nguyễn Đăng Quang biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 294tr.; 19cm.

355.009597 L302S/M.176494 - M.176495; VN.0081627 - VN.0081628

151. Lịch sử Viện Hóa học - Vật liệu (1960 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 598tr.; 22cm.

355.009597 L302S/LC.0015332, LC.0015690; MP.0036596 - MP.0036597; VN.0081690 - VN.0081691

152. Một giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Biên phòng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý Khoa học và công nghệ: 60340412/ Nguyễn Xuân Thắng. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 69tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 M458G/LAV.0009818

153. Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao năng lực chỉ huy, tác phong quân nhân cho học viên đào tạo kỹ sư quân sự tại HVKTQS hiện nay: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ Lê Trọng Thoan. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 116tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597 M458S/LAV.0009806

154. Nâng cao chất lượng quản lý vũ khí trang thiết bị kỹ thuật phục vụ huấn luyện và nghiên cứu khoa học tại Học viện Quốc phòng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành

Tổ chức chỉ huy kỹ thuật: 60860214/ *Nguyễn Công Hải*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 N122C/LAV.0009800

155. *Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng hoạt động rà phá bom mìn tại Trung tâm Rà phá bom mìn*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Vũ Thanh Thủy*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 94tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 N122C/LAV.0009805

156. *Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới*/ *Lương Cường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 1148tr.; 24cm.

355.009597 N122C/LCV.0002363 - LCV.0002364; M.176396 - M.176397 - M.176398; MP.0036417 - MP.0036418 - MP.0036419; VV.0018020 - VV.0018021 - VV.0018022 - VV.0018023

157. *Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thông số kỹ thuật phóng trong đến đặc tính đường đạn bắn tập TBT-29*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - đạn: 8520101/ *Lê Văn Điệp*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 76tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 Ngh305C/LAV.0009815

158. *Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng của mìn chống tăng nổ tạo hình*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - Đạn: 8520101/ *Nguyễn Văn Thái*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 100tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009784

159. *Nghiên cứu chế thử đồng bộ súng và đạn giảm thanh siêu nhỏ dùng cho điệp viên*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật (vũ khí): 8520101/ *Nguyễn Văn Khôi*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 52tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009779

160. *Nghiên cứu đổi mới quy trình thực hiện đề tài khoa học nghệ thuật và khoa học xã hội nhân văn quân sự*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Mạc Quốc Khánh*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 90tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 Ngh305C/LAV.0009793

161. *Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng cán bộ ngành hậu cần Quân đoàn 1 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Lê Văn Định*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

355.309597 Ngh305C/LAV.0009810

162. *Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan chỉ huy - tham mưu cho học viên Lào tại Trường Sĩ quan Lục quân 1*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên

ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Phạm Công Tiếp*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 97tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Ngh305C/LAV.0009791

163. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ tại Trung tâm Kỹ thuật thông tin công nghệ cao/Binh chủng Thông tin Liên lạc: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý Khoa học và công nghệ: 60340412/ *Ngô Văn Đức*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2017. - 76tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 Ngh305C/LAV.0009822

164. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ tại Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý Khoa học và công nghệ: 60340412/ *Trần Thị Thanh Thúy*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 73tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 Ngh305C/LAV.0009819

165. Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, phân cao chất lượng vũ khí trang bị kỹ thuật trong Bộ Quốc phòng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Lê Đức Nhật*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 71tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009807

166. Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý dự án xây dựng tại Bệnh viện Quân y 354 - Bộ Quốc phòng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Nguyễn Ngọc Sơn*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 82tr.; 30cm + + Phụ lục

355.7209597 Ngh305C/LAV.0009786

167. Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực công nghệ cho Nhà máy A54/ Quân chủng Phòng không - Không quân: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 94tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 Ngh305C/LAV.0009796

168. Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực quản lý dự án xây dựng cơ bản tại Học viện Khoa học Quân sự: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 94tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Ngh305C/LAV.0009811

169. Nghiên cứu hệ thống cảm nhận mục tiêu cho ngòi mìn chống tăng tác dụng từ xa: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - Đạn: 8520101/ *Nguyễn Văn Cường*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 82tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009797

170. Nghiên cứu hoàn thiện kho đạn dược lực quân: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên

ngành Cơ kỹ thuật - đạn: 60520101/ *Molai Siphaseuth*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 74tr.; 30cm + + Phụ lục

355.7509594 Ngh305C/LAV.0009821

171. Nghiên cứu mô phỏng quá trình phá hủy bản thép của đầu đạn xuyên dưới cỡ đạn lưu tuyến: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - đạn: 8520101/ *Trần Đình Dũng*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 91tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009788

172. Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý cán bộ, nhân viên kỹ thuật ngành quân khí Binh đoàn Cửu long: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Cao Bá Triên*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 78tr.; 30cm + + Phụ lục

355.309597 Ngh305C/LAV.0009813

173. Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao năng lực bảo dưỡng, sửa chữa đạn dược tại kho K854/Cục Quân khí: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Vương Thanh Phương*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009816

174. Nghiên cứu nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Công nghệ - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Chỉ huy, quản lý kỹ thuật: 60860214/ *Lê Hoàng Hiệp*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 84tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 Ngh305C/LAV.0009814

175. Nghiên cứu nâng cao chất lượng huấn luyện kỹ thuật xe máy cho học viên đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu ở Trường Sĩ quan Lục quân 1: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Nguyễn Trọng Huyền*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Ngh305C/LAV.0009780

176. Nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Trần Quốc Tuấn: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Ngô Duy Trọng*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 91tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 Ngh305C/LAV.0009781

177. Nghiên cứu nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công nghệ tại Nhà máy Z119: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Trần Văn Đức*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

355.07597 Ngh305C/LAV.0009802

178. Nghiên cứu quy hoạch kho súng pháo khí tài lục quân trong tình hình mới: Luận

văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật (vũ khí): 8520101. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 77tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009799

179. Nghiên cứu tối ưu hóa một số tham số kết cấu để nâng cao uy lực cho đạn sát thương bằng mảnh: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - Đạn: 8520101/ Nguyễn Văn Chinh. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 64tr.; 30cm + + Phụ lục

355.809597 Ngh305C/LAV.0009783

180. Nghiên cứu xử lý bom đạn Mỹ nhồi pho trắng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật: 8520101. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 78tr.; 30cm + + Phụ lục

355.8 Ngh305C/LAV.0009809

181. Quan điểm, thành tựu và định hướng xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại/ Phùng Quang Thanh. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 816tr.; 24cm.

355.009597 Qu105Đ/LCV.0002375 - LCV.0002376; M.176399 - M.176400 - M.176401; MP.0036420 - MP.0036421 - MP.0036422; VV.0018024 - VV.0018025 - VV.0018026 - VV.0018027

182. Tổ chức sự lãnh đạo của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Biên niên sự kiện và tư liệu. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 592tr.; 21cm.

T.5 : 2009 - 2019

355.009597 T450C/LC.0015991 - LC.0015992; M.0177328 - M.0177329; MP.0037221; VN.0081623 - VN.0081624, VN.0082035 - VN.0082036

183. Tổng cục Công nghiệp quốc phòng - Biên niên sự kiện (1989 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 731tr.; 21cm.

355.009597 T455C/LC.0015714 - LC.0015715; MP.0036598 - MP.0036599; VN.0081692 - VN.0081693

184. Tổng kết công tác kỹ thuật quân khí Quân đội nhân dân Việt Nam (1975 - 2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 535tr.; 21cm.

355.809597 T455K/LC.0015718; MP.0036610 - MP.0036611; VN.0081704 - VN.0081705

185. Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội - 65 năm xây dựng và trưởng thành (1955 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 323tr.; 24cm.

355.00711597 Tr561Đ/LCV.0002451; MP.0037204 - MP.0037205; VV.0018105, VV.0018336

186. Xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng công tác bảo đảm kỹ thuật cho sản xuất đạn dược tại Xí nghiệp Tổng lắp vũ khí Nhà máy Z131 - Tổng cục Công nghiệp quốc phòng: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ:

60340412/ *Nguyễn Hoàng Quyền*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 69tr.; 30cm +
+ Phụ lục

355.809597

X126D/LAV.0009803

**358 – Lực lượng không quân và chuyên biệt khác và cuộc chiến; quân chủng kỹ thuật
và có liên quan**

**187. Giải pháp quản lý hoạt động thông tin tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại Trung
tâm Thông tin tiêu chuẩn đo lường chất lượng:** Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành
Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412/ *Lưu Trung Hiếu*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân
sự, 2018. - 72tr.; 30cm + + Phụ lục

358.2409597

Gi-103P/LAV.0009794

188. Không chiến: Hồi ức/ *Nguyễn Văn Nghĩa*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 786tr.;
24cm.

358.4009597

Kh455C/LCV.0002358 - LCV.0002359; M.176619 -

M.176620; VV.0018201 - VV.0018202

**189. Lịch sử Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết kết và Tư vấn xây
dựng công trình hàng không ADCC (1990 - 2020)/** *Nguyễn Ngọc Hải chủ biên*. - H.:
Quân đội nhân dân, 2020. - 307tr.; 21cm.

358.4009597

L302S/LC.0015695; MP.0036608 - MP.0036609; VN.0081702

- VN.0081703

190. Lịch sử Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC (1990 - 2020)/
Nguyễn Ngọc Hải chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 383tr.; 21cm.

358.4009597

L302S/LC.0015704; MP.0036606 - MP.0036607; VN.0081700

- VN.0081701

**191. Nâng cao hiệu quả dự án chuyển giao công nghệ tại Nhà máy Z119/ Cục Kỹ
thuật/Quân chủng Phòng không - không quân:** Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành
Quản lý khoa học và công nghệ: 60340412. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 86tr.;
30cm + + Phụ lục

358.409597

N122C/LAV.0009787

**192. Xây dựng chương trình phân tích sức sống trận địa phòng ngự cấp tiểu đoàn dưới
tác dụng của ném bom chiến lược B52:** Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Kỹ thuật
xây dựng công trình ngầm: 60580204/ *Phan Văn Thông*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự,
2017. - 88tr.; 30cm + + Phụ lục

358.22709597

X126D/LAV.0009792

359 – Lực lượng trên biển và cuộc chiến

193. 45 năm hải chiến Hoàng Sa. - Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2020. - 231tr.; 21cm.

359.009597

B454M/M.176614 - M.176615; VN.0081682 - VN.0081683

194. Lịch sử kho 703 Hải quân (1980 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 194tr.; 21cm.

359.009597 L302S/LC.0015374; MP.0036600 - MP.0036601; VN.0081694 - VN.0081695

195. Nâng cao chất lượng sửa chữa vũ khí trang bị chuyên ngành quân khí trong thời bình của các nhà máy thuộc Quân chủng Hải quân: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Chỉ huy, quản lý kỹ thuật: 60860214/ *Nguyễn Nam Trường*. - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

359.809597 N122C/LAV.0009785

370 - Giáo dục

196. Bài học Phần Lan 2.0: Chúng ta có thể học được gì từ cải cách giáo dục Phần Lan/ *Pasi Sahlberg; Đặng Việt Vinh dịch*. - H.: Thế giới, 2017. - 429tr.; 21cm.

370.94897 B103H/M.176520

197. Văn sách thi Đình Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Văn Thịnh, Đinh Thanh Hiếu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 647tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.3

370.959731 V115S/VV.0017993

198. Xây dựng lối sống tích cực của sinh viên trước tác động của mạng xã hội hiện nay/ Trần Hậu Tân chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 162tr.; 21cm.

378.01409597 X126D/M.176230 - M.176231; MP.0036260 - MP.0036261; VN.0081546 - VN.0081547

380 - Thương mại, truyền thông, vận tải

199. Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Kẻ Chợ - Đàng Ngoài (1637 - 1700)/ Hoàng Anh Tuấn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 622tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

382.95970492 C455T/VV.0017992

200. Cơ cấu thương mại hàng hóa Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2001 - 2016: Những vấn đề đặt ra và giải pháp: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 9310106/ *Trương Quang Hoàn*. - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2019. - 163tr.; 30cm + + Phụ lục

382.0959705195 C460C/LV.00009834

201. Giáo trình truyền thông và quan hệ quốc tế/ Lý Thị Hải Yến chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 327tr.; 24cm.

384.0711 Gi-108T/M.176220 - M.176221; MP.0036250 - MP.0036251

202. Tác động của Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Úc - New Zealand đến quan hệ thương mại của Việt Nam với Úc và New Zealand: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 9310106/ *Nguyễn Hà Phương*. - H.: Học viện Khoa học Xã hội, 2018. - 150tr.; 30cm + + Phụ lục

382.0959709

T101Đ/LV.00009827

203. Thương mại tự do và chủ nghĩa bảo hộ: Thông tin chuyên đề/ *Đồng chủ biên: Vũ Hùng Cường, Nguyễn Thị Lê.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 274tr.; 24cm.

382

Th561M/M.176485 - M.176486; VV.0018092 - VV.0018093

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

204. Mười giá trị văn hóa tiêu biểu Thăng Long - Hà Nội: Âm thực/ *Nguyễn Viết Chức chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 86tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

394.120959731

M558G/VV.0018001

205. Mười giá trị văn hóa tiêu biểu Thăng Long - Hà Nội: Lễ hội, trò chơi, trò diễn dân gian/ *Nguyễn Viết Chức chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 90tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

394.26959731

M558G/VV.0017999

206. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Thần tích Hà Nội: Xếp theo Abc theo tên phường, xã/ *Nguyễn Thị Oanh chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 718tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

398.410959731

T550L/VV.0017944

207. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tục ước, gia quy/ Nguyễn Kim Sơn chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 935tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

390.0959731

T550L/VV.0017962

600 - CÔNG NGHỆ

208. Cuộc tranh công nghệ Mỹ - Trung Quốc thời đại 4.0: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 299tr.; 21cm.

600

C107T/M.176234 - M.176235; MP.0036264 - MP.0036265;

VN.0081550 - VN.0081551

209. Giải pháp của Nhật Bản cho căn bệnh môi trường Minamata ở tỉnh Kumamoto từ thập niên 1950 đến thập niên 1980: Luận án tiến sĩ chuyên ngành châu Á học: 603150/ *Nguyễn Việt Thi.* - H.: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2014. - 77tr.; 30cm + + Phụ lục

613.10952

Gi-103P/LV.00009830

210. Mười giá trị văn hóa tiêu biểu Thăng Long - Hà Nội: Làng nghề, phố nghề/ *Nguyễn Viết Chức chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 85tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

680.0959731

M558G/VV.0018000

211. Mười giá trị văn hóa tiêu biểu Thăng Long - Hà Nội: Khách sạn hàng đầu/ *Nguyễn Viết Chức chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 107tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

647.940959731 M558G/VV.0018002

212. Nghiên cứu cải tiến tên lửa chống tăng B72 làm mục tiêu thử nghiệm tên lửa: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật (vũ khí): 8520101/ *Lê Anh Mạnh.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 76tr.; 30cm ++ Phụ lục

TSNB: Nghiên cứu cải tiến lửa chống tăng B72 làm mục tiêu thử nghiệm tên lửa tại Học viện Khoa học quân sự

623.4 Ngh305C/LAV.0009812

213. Nghiên cứu chế tạo hỗn hợp chất cháy họ Napan dùng cho vũ khí: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật hóa học: 8520301/ *Vũ Văn Hiếu.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 68tr.; 30cm ++ Phụ lục

660 Ngh305C/LAV.0009823

214. Nghiên cứu hệ thống dẫn đường gần ở sân bay quân sự Việt Nam: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Kỹ thuật ra đa và dẫn đường: 8520204/ *Trần Ngọc Hiến.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018 - 93tr.; 30cm ++ Phụ lục

623.66 Ngh305C/LAV.0009790

215. Những làng nghề thủ công tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội/ Đình Hạnh chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 306tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

680.0959731 Nh556L/VV.0017945

216. Tư duy hệ thống cho mọi người: Hành trình từ lý thuyết tới tác động thực tiễn tại Việt Nam/ *Nguyễn Văn Thành,....* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 179tr.; 24cm.

658.4032 T550D/M.176528 - M.176529; MP.0036522 - MP.0036523

217. Tính toán thuật phóng trong cho đạn hơi liên thanh bắn trên súng tiểu liên AK-47: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - đạn: 8520101/ *Vũ Trọng Thoáng.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 66tr.; 30cm ++ Phụ lục

623.4 T312T/LAV.0009804

218. Xây dựng mô hình thuật phóng cho thiết bị phóng loạt lựu đạn sát thương: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Cơ kỹ thuật - đạn: 8520101/ *Phạm Anh Tú.* - H.: Học viện Kỹ thuật quân sự, 2018. - 68tr.; 30cm ++ Phụ lục

623.4 X126D/LAV.0009801

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

219. Điện ảnh Việt Nam với đề tài chiến tranh cách mạng: Nghiên cứu - Phê bình/ *Lê Thị Bích Hồng.* - H.: Hà Nội, 2020. - 418tr.; 21cm.

791.4309597 Đ305A/M.176367 - M.176368; MP.0036413 - MP.0036414

220. Kiến trúc Thăng Long - Hà Nội/ Lê Văn Lân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 483tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

720.959731 K305T/VV.0017948

221. Mỹ thuật Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Đức Hòa chủ biên, Trần Hậu Yên Thế, Nguyễn Đức Bình. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 419tr.; 30cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

709.59731 M600T/VV.0017986

800 - VĂN HỌC

222. Biên niên sử phong trào thơ mới Hà Nội (1932 - 1945)/ Nguyễn Hữu Sơn chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 779tr.

895.92213209 B305N/VV.0017968

T.2. - 815tr.

895.92213209 B305N/VV.0017969

223. Biên phòng Việt Nam/ Lê Hải Triều chủ biên; biên soạn: Nguyễn Minh Trung, Đặng Việt Thủy, Cao Thanh Tân,.... - H. : Quân đội nhân dân, 2006. - 641tr. ; 27cm

895.922803 B305P/LCV 867 - LCV 868; VV.0017916

224. Chúng sinh: Tiểu thuyết/ *Phan Quế.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 359tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234 Ch513S/M.176343 - M.176344; MP.0036373 - MP.0036374

225. Chúng tôi thời hậu chiến/ Vũ Công Chiến. - H.: Lao động, 2020. - 241tr.; 23cm.

895.92234 Ch513T/M.176604 - M.176605; VV.0018176 - VV.0018177

226. CM-12 - Phía sau kế hoạch phản gián: Truyện ký/ *Nguyễn Khắc Đức.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 510tr.; 24cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92283403 C000M/M.176325 - M.176326; MP.0036356; VV.0017910 - VV.0017911

227. Cồn Dương: Tiểu thuyết/ *Phạm Quang Đẩu.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 327tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234 C454D/M.176341 - M.176342; MP.0036371 - MP.0036372

228. Đảo bạo bệnh: Tiểu thuyết trinh thám/ *Đức Anh.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 279tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234 Đ108B/M.176357 - M.176358; MP.0036386 - MP.0036387

- 229. *Đi trốn*:** Tiểu thuyết/ *Bình Ca*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 315tr.; 21cm.
895.92234 Đ300T/M.176629; VN.0081686 - VN.0081687
- 230. *Đỉnh Phù Vân*:** Tiểu thuyết/ *Đỗ Xuân Thu*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 455tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")
895.92234 Đ312P/M.176347 - M.176348; MP.0036377 - MP.0036378
- 231. *Động rừng*:** Tiểu thuyết/ *Tống Ngọc Hân*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 231tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")
895.92234 Đ455R/M.176329 - M.176330; MP.0036359 - MP.0036360
- 232. *Gánh gánh ... Gồng gồng ...*:** Hồi ký/ *Xuân Phụng*. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2020. - 307tr.; 24cm.
895.9228403 G107G/M.176611; VV.0018189 - VV.0018190
- 233. *Gia tộc tướng cướp*:** Tiểu thuyết/ *Lại Văn Long*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 663tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")
895.92234 Gi-100T/M.176323 - M.176324; MP.0036354 - MP.0036355
- 234. *Giáp mặt*:** Tiểu thuyết/ *Phạm Thanh Khương*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 207tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")
895.82234 Gi-109M/M.176339 - M.176340; MP.0036369 - MP.0036370
- 235. *Giọt mật của Thượng đế*:** Tiểu thuyết/ *Nguyễn Văn Cự*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 359tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")
895.92234 Gi-435M/M.176335 - M.176336; MP.0036365 - MP.0036366
- 236. *Giọt vàng trong nắng*:** Tiểu thuyết/ *Lê Duy Nghĩa*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 319tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")
895.92234 Gi-435V/M.176333 - M.176334; MP.0036363 - MP.0036364
- 237. *Hồi ký Trần Kinh Chi - Chuyện vị tướng cận vệ của Bác Hồ*/ *Trần Kinh Chi*. - H.: Hồng Đức, 2017. - 263tr.; 24cm.
895.9228403 H452K/VV.0018187 - VV.0018188**
- 238. *Hồi ức một quân nhân*/ *Nguyễn Tất San*. - H.: Thanh niên, 2020; 24cm.
T.1. - 407tr.
895.9228403 H452U/M.176517; VV.0018113, VV.0018118**

T.2. - 378tr.

895.9228403

H452U/M.176516; VV.0018112, VV.0018117

239. *Huyền thoại Lê Kích*: Ghi chép/ *Trần Ngọc Trác*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 271tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92283403

H527T/M.176355 - M.176356; MP.0036385; VN.0081586 -

VN.0081587

240. *Không Tử truyện/ Khúc Xuân Lễ; Ông Văn Tùng dịch*. - H.: Hồng Đức, 2016; 21cm.

T.1. - 551tr.

895.1

Kh455T/VN.0081680 - VN.0081681

T.2. - 579tr.

895.1

Kh455T/VN.0081678 - VN.0081679

241. *Kim tiền*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Như Phong*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 668tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234

K310T/M.176321 - M.176322; MP.0036352 - MP.0036353

242. *Lửa khuất*: Tiểu thuyết/ *Phan Thái*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 319tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234

L551K/M.176331 - M.176332; MP.0036361 - MP.0036362

243. *Mãi mãi tuổi hai mươi*: Nhật ký thời chiến Việt Nam/ *Nguyễn Văn Thạc; Đặng Vương Hưng sưu tầm, giới thiệu*. - Tái bản lần 10, có bổ sung. - H.: Thanh niên, 2020. - 337tr.; 21cm.

895.9228403

M103M/M.176601 - M.176602 - M.176603; VN.0081672 -

VN.0081673

244. *Mỗi tình đầu*: Tiểu thuyết/ *Kim Quyên*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 427tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234

M452T/M.176337 - M.176338; MP.0036367 - MP.0036368

245. *Một trăm ngày trước tuổi hai mươi*: Tiểu thuyết/ *Đoàn Tuấn*. - H.: Trẻ, 2019. - 235tr.; 20cm.

895.922334

M458T/VN.0081648

246. *Năm tháng cuộc đời*: Truyện ký/ *Nguyễn Ngọc Hạp*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 277tr.; 19cm.

895.9228403

N114T/M.176524 - M.176525; MP.0036518 - MP.0036519

247. *Nắng Cam Ranh/ Bạch Lê Vân Nguyên.* - H.: Công an nhân dân, 2019. - 263tr.; 21cm.

895.92283403 N116C/M.176327 - M.176328; MP.0036357 - MP.0036358

248. *Nẻo đường:* Tiểu thuyết/ *Đỗ Anh Mỹ.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 335tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234 N205Đ/M.176353 - M.176354; MP.0036383 - MP.0036384

249. *Người lạ:* Tiểu thuyết/ *Phong Điệp.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 351tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234 Ng558L/M.176351 - M.176352; MP.0036381 - MP.0036382

250. *Nhận diện các xu hướng vận động và phát triển của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện nay.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 695tr.; 24cm.

895.92209 Nh121D/VV.0018070 - VV.0018071

251. *Những nẻo đường tự sự/ Dương Thị Ánh Tuyết.* - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 230tr.; 24cm.

895.92209 Nh556N/M.176491 - M.176492; MP.0036502 - MP.0036503

252. *Những người nói hộ xác chết:* Tiểu thuyết/ *Thăng Sắc.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 159tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234 Nh556N/M.176345 - M.176346; MP.0036375 - MP.0036376

253. *Ông chúa Đức Huệ/ Kwon Bee-Young; Dương Thanh Hoài dịch.* - H.: Phụ nữ, 2017. - 346tr.; 24cm.

895.735 Ô455C/VV.0018185 - VV.0018186

254. *Phận liễu:* Tiểu thuyết/ *Chu Thanh Hương.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 527tr.; 21cm.. - (Tác phẩm tham dự cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống")

895.92234 Ph121L/M.176349 - M.176350; MP.0036379 - MP.0036380

255. *Thơ Thăng Long - Hà Nội qua Hà thành thi sao/ Đỗ Thị Hảo chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 738tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

895.9221008 Th460T/VV.0017955

256. *Trọn một cuộc đời:* Hồi ký/ *Lê Thanh Nghị.* - H.: Sự thật, 1989. - 206tr.; 21cm. T.1

895.92283403 Tr429M/VN.0081671

257. *Tuyển tập dòng văn Phan Huy (Nhánh Sài Sơn)/* *Đồng chủ biên: Trần Thị Băng*

Thanh, Phạm Ngọc Lan. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 943tr.

895.9228008 T527T/VV.0017967

T.2. - 767tr.

895.9228008 T527T/VV.0017966

258. *Tuyển tập Ký - Tản văn xứ Đoài/ Bằng Việt chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1101tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

895.9228008 T527T/VV.0017954

259. *Tuyển tập Tản Đà/ Biên soạn: Trần Ngọc Vương, Mai Thu Huyền.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 723tr.

895.922132 T527T/VV.0017965

T.2. - 663tr.

895.922132 T527T/VV.0017964

260. *Từ miền quan họ đến Xứ Đoài mây trắng:* Tuyển tập văn học nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 45 năm ngày truyền thống Trường Sĩ quan chính trị (14.1.1976 - 14.1.2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 300tr.; 24cm.

**895.92208 T550M/LCV.0002454 - LCV.0002455; M.176616 - M.176617
- M.176618; VV.0018197 - VV.0018198**

900 - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

261. *Bí mật thần kỳ mang tên Trung Quốc:* Sách tham khảo/ *Vương Tương Huệ; Thanh Hương dịch.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 370tr.; 21cm.

**951.4 B300M/M.176386 - M.176387; MP.0036407 - MP.0036408;
VN.0081595 - VN.0081596**

262. *Địa lý Hà Nội/ Nguyễn Viết Thịnh chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 823tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

911.59731 Đ301L/VV.0017961

263. *Nhà Trắng - Những chuyện chưa kể/ Kate Andersen Brower; Nguyễn Thị Kim Anh dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2018. - 317tr.; 23cm.

975.3 Nh100T/VV.0018182 - VV.0018183 - VV.0018184

264. *Những tù nhân của địa lý/ Tim Marshall; Phan Linh Lan dịch.* - H.: Hội nhà văn, 2021. - 430tr.; 21cm.

912.1 Nh556T/VN.0081676 - VN.0081677

265. *Sông hồ Hà Nội/ Đặng Văn Bào chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 353tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

911.59731

S455H/VV.0017953

910 – Địa lý và du hành

266. *Địa danh hành chính Thăng Long - Hà Nội (Từ đầu thế kỷ XIX đến nay)/ Nguyễn Thị Việt Thanh chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 583tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

915.9731

Đ301D/VV.0017952

267. *Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội:* Địa bạ huyện Đan Phượng/ *Vũ Văn Quân chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 663tr.

915.9731

T527T/VV.0018017

T.2. - 795tr.

915.9731

T527T/VV.0018018

268. *Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội:* Địa bạ huyện Thanh Trì/ *Vũ Văn Quân chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 847tr.

915.9731

T527T/VV.0018016

T.2. - 719tr.

915.9731

T527T/VV.0018015

269. *Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội:* Địa bạ Huyện Hoài An/ *Vũ Văn Quân chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 879tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

915.9731

T527T/VV.0018019

270. *Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội:* Địa bạ huyện Chương Đức/ *Vũ Văn Quân chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1250tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

915.9731

T527T/VV.0018014

271. *Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội:* Địa bạ huyện Phúc Thọ/ *Vũ Văn Quân chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1343tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

915.9731

T527T/VV.0018013

272. *Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ Huyện Gia Lâm/ Vũ Văn Quân chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 1207tr.

915.9731

T527T/VV.0018003

T.2. - 1383tr.

915.9731

T527T/VV.0018004

273. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ Huyện Phú Xuyên/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 919tr.

915.9731 T527T/VV.0018006

T.2. - 771tr.

915.9731 T527T/VV.0018005

274. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ Huyện Sơn Minh/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 798tr.

915.9731 T527T/VV.0018011

T.2. - 658tr.

915.9731 T527T/VV.0018012

275. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ Huyện Thanh Oai/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 887tr.

915.9731 T527T/VV.0018007

T.2. - 895tr.

915.9731 T527T/VV.0018008

276. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ Huyện Thượng Phúc/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 778tr.

915.9731 T527T/VV.0018009

T.2. - 723tr.

915.9731 T527T/VV.0018010

950 – Lịch sử châu Á

277. Biên niên lịch sử Thăng Long - Hà Nội: Phần bổ sung/ Phan Phương Thảo chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1099tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731 B305N/VV.0017988

278. Bông sen trắng giữa lòng Hà Nội/ Chu Đức Tính. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 223tr.; 21cm.

**959.704092 B455S/M.176226 - M.176227; MP.0036256 - MP.0036257;
VN.0081542 - VN.0081543**

279. Châu bản triều Nguyễn về Hà Nội/ Đào Thị Diễm chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 818tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731029

Ch125B/VV.0017995

280. Chiến thắng biên giới Thu - Đông 1950 tầm nhìn chiến lược của Đảng và bài học lịch sử: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 888tr.; 24cm.

959.7041

Ch305T/LCV.0002456 - LCV.0002457; M.176390 -

M.176391; MP.0036390; VV.0017923 - VV.0017924

281. Chiến thắng Đường 9 - Khe Sanh 1968: Tầm vóc và bài học lịch sử: Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 795tr.; 22cm.

959.7043

Ch305T/.0079251, .0079896 - .0079897; LC.0015019 -

LC.0015020; M.176369

282. Chiến thắng Tây Nguyên - Mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 836tr.; 24cm.

959.704332

Ch305T/LCV.0002246; M.176365; VV.0017846 - VV.0017847

283. Chiến thắng Tua Hai - Mở đầu cao trào Đồng Khởi ở Nam Bộ: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 626tr.; 24cm.

959.7403

Ch305T/LCV.0002261 - LCV.0002262; M.176364;

VV.0017848 - VV.0017849

284. Cù Lao Ré - Quê hương của đội Hoàng Sa (Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX): Sách chuyên khảo/ Dương Hà Hiếu. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 313tr.; 24cm.

959.753

C500L/M.176487 - M.176488; MP.0036498 - MP.0036499;

VV.0018094 - VV.0018095

285. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 - Bước ngoặt quyết định và bài học lịch sử. - H.: Chính trị quốc gia, 2017. - 798tr.; 30cm.

959.7043

C514T/VV.0017915

286. Di tích khảo cổ học Đàn Xã Tắc Thăng Long = Thăng Long - Xã Tắc altar archaeological site/ Tổng Trung Tín chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 298tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731

D300T/VV.0017958

287. Đại thắng mùa xuân 1975 - Sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình. - H.: Chính trị quốc gia, 2015. - 822tr.; 30cm

959.7043

Đ103T/M.176363; V 14674 - V 14675

288. Đại tướng Lê Đức Anh - Nhà quân sự tài ba, nhà lãnh đạo xuất sắc. - H.: Dân trí, 2019. - 384tr.; 27cm.

959.704092

Đ103T/M.176458; VV.0017943, VV.0018050

289. Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thế kỷ XX. - H.: Tài chính, 2020. - 351tr.; 27cm.

959.704092 Đ103T/VV.0018111

290. Đồng chí Hoàng Đình Giọng với cách mạng Việt Nam và quê hương Cao Bằng. -
H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 472tr.; 24cm.

959.704092 Đ455C/VV.0018064 - VV.0018065

291. Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh - Biểu tượng của ý chí thống nhất Tổ quốc: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 696tr.; 24cm.

959.7043 Đ561T/VV.0017918

292. Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không/ Trịnh Vương Hồng chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 347tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.704331 H100N/VV.0017949

293. Hồ Chí Minh - Người đặt nền móng xây dựng quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga/ Trần Minh Trường chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 211tr.; 21cm.

**959.704092 H450C/M.176546 - M.176547; MP.0036540 - MP.0036541;
VN.0081656 - VN.0081657**

294. Hồ Chí Minh - Những bài viết và những cuộc tranh đấu/ Alain Ruscio; Nguyễn Đức Truyền dịch. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 491tr.; 24cm.

**959.704092 H450C/M.176532 - M.176533; MP.0036526 - MP.0036527;
VV.0018126 - VV.0018127**

295. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1 : Quận Ba Đình - Quận Cầu Giấy - Quận Tây Hồ. - 935tr.

959.731 H450S/VV.0017976

T.2: Quận Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - Quận Hoàng Mai. - 990tr.

959.731 H450S/VV.0017977

T.3: Quận Đống Đa - Quận Bắc Từ Liêm - Quận Nam Từ Liêm - Quận Thanh Xuân. - 1083tr.

959.731 H450S/VV.0017978

T.4: Huyện Phú Xuyên - Huyện Thanh Trì - Huyện Thường Tín. - 1291tr.

959.731 H450S/VV.0017979

T.5 : Quận Hà Đông - Huyện Thanh Oai - Huyện Ứng Hòa. - 1051tr.

959.731 H450S/VV.0017980

T.6 : Huyện Chương Mỹ - Huyện Mỹ Đức - Huyện Quốc Oai. - 937tr.

959.731 H450S/VV.0017981

T.7 : Huyện Đan Phượng - Huyện Hoài Đức - Huyện Phúc Thọ. - 999tr.

959.731 H450S/VV.0017982

T.8: Thị xã Sơn Tây - Huyện Ba Vì - Huyện Thạch Thất. - 871tr.

959.731 H450S/VV.0017983

T.9: Quận Long Biên - Huyện Gia Lâm - Huyện Mê Linh. - 1039tr.

959.731 H450S/VV.0017984

T.10: Huyện Đông Anh - Huyện Sóc Sơn. - 1082tr.

959.731 H450S/VV.0017985

296. Hồi ức chiến tranh Vị Xuyên/ Nguyễn Đức Huy. - H.: Thông tin và Truyền thông, 2020. - 263tr.; 21cm.

959.70441 H452U/M.176511 - M.176512 - M.176513; VN.0081642 - VN.0081643

297. Khâm định An Nam Kỷ lược/ Nguyễn Duy Chính. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1079tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.7028 Kh120Đ/VV.0017989

298. Kinh đô Rồng - Từ truyền thống thượng võ đến chủ nghĩa anh hùng/ Nguyễn Khắc Phục, Bằng Việt. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 602tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731 K312Đ/VV.0017956

299. Kinh đô Thăng Long - Những khám phá khảo cổ học/ Tống Trung Tín chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 379tr.; 29cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731 K312Đ/VV.0017987

300. Làng cổ Hà Nội/ Lưu Minh Trị chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

T.1. - 634tr.

959.731 L106C/VV.0017973

T.2. - 617tr.

959.731 L106C/VV.0017972

301. Lê Quý Đôn - Nhà thư tịch hàng đầu Việt Nam/ Phạm Hồng Toàn. - H.: Khoa học xã hội, 2016. - 367tr.; 21cm.

959.70272092 L250Q/M.176519

302. Lịch sử Hà Nội cận đại (1883 - 1945)/ Phạm Hồng Tung, Trần Viết Nghĩa. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 423tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.73103 L302S/VV.0017994

303. *Lý Quang Diệu - Những điều tôi biết*/ Chin Kah Chong; Bích Phương dịch. - H.: Hồng Đức, 2019. - 659tr.; 24cm.

959.57051092 L600Q/M.176477 - M.176478; VV.0018084 - VV.0018085

304. *Mười giá trị văn hóa tiêu biểu Thăng Long - Hà Nội*: Đình, đền, chùa, miếu, phủ, quán, nhà thờ/ Nguyễn Viết Chức chủ biên; Biên soạn: Lê Văn Lan. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 87tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731 M558G/VV.0017998

305. *Nhật ký phi công tiêm kích*/ Nguyễn Đức Soát. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 438tr.; 23cm.

959.7043092 Nh124K/M.176508 - M.176509 - M.176510; VV.0018102 - VV.0018103

306. *Những trận đánh cấp sư đoàn của Binh đoàn Tây Nguyên (1974 - 1975)*/ Phan Văn Huy chủ biên; biên soạn: Vũ Duy Long, Vũ Văn Đông. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.

T.1

959.7043 Nh556T/LC.0015423; MP.0036614 - MP.0036615; VN.0081708 - VN.0081709

307. *Những trận đánh điển hình của quân và dân Hưng Yên trong thời kỳ chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*/ Phạm Hùng Thái chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 339tr.; 21cm.

959.7041 Nh556T/LC.0015283 - LC.0015284; MP.0036318 - MP.0036319; VN.0081570 - VN.0081571

308. *Phong trào Đồng khởi 1960 - Bước ngoặt của cách mạng miền Nam*: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 842tr.; 24cm.

959.7042 Ph431T/VV.0017922

309. *Rút quân - Nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*: Sách tham khảo/ Gregory A. Daddis; Ng.dịch: Lê Đức Hạnh. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 531tr.; 24cm.

959.7043373 R522Q/VV.0018072 - VV.0018073

310. *Sát Thát và Ông cha ta đánh giặc thế nào*/ Hoàng Đạo Thúy. - H.: Dân trí, 2021. - 188tr.; 21cm.

959.7 S110T/M.176608 - M.176609 - M.176610; VN.0081674 - VN.0081675

311. *Sửa lại cho đúng - Bàn thêm cho rõ*: Tuyển chọn từ Tạp chí Lịch sử Quân sự. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 759tr.; 22cm.

T.3

959.7 S551L/LC.0015231 - LC.0015232; VN.0081600

312. *Tại sao là Hồ Chí Minh?*/ Song Phil - Kyung; Bùi Đình Thắng dịch. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 363tr.; 21cm.

**959.704092 T103S/M.176471 - M.176472; MP.0036485 - MP.0036486;
VN.0081615 - VN.0081616**

313. *Thái sư Nguyễn Xi và chuyện về người con thứ mười*/ Nguyễn Hải Châu. - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 399tr.; 24cm.

959.7026092 Th103S/M.176514 - M.176515

314. *Thăng Long - Kẻ Chợ thời Mạc - Lê Trung hưng*/ Nguyễn Thừa Hỷ. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 927tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731027 Th116L/VV.0017947

315. *Thời đại Lý Quang Diệu*/ Thái Dụ Lâm; Bích Phương dịch. - H.: Dân trí, 2019. - 443tr.; 24cm.

959.57051092 Th462Đ/M.176479 - M.176480; VV.0018086 - VV.0018087

316. *Tổ Hữu - Người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 775tr.; 24cm.

959.704092 T450H/VV.0018061 - VV.0018062

317. *Tổng tập khảo cổ học Thăng Long - Hà Nội (1898 - 8/2008)*/ Tống Trung Tín chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 795tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731 T455T/VV.0017960

318. *Tuyển tập tư liệu Công ty Đông Ấn Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài (1672 - 1697)*/ Hoàng Anh Tuấn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 707tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.70272 T527T/VV.0017991

319. *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phương Tây trước 1945*/ Nguyễn Thừa Hỷ chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 843tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731 T550L/VV.0017963

320. *Võ Nguyên Giáp - Đại tướng vì hòa bình, - Đại tướng của lòng dân*. - H.: Tài chính, 2020. - 351tr.; 27cm.

959.704092 V400N/VV.0018110

321. *Vương triều Lê (1428 - 1527)*/ Nguyễn Quang Ngọc chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 946tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.7026 V561T/VV.0017997

322. *Vương triều Trần (1226 - 1400)*/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 803tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

323. Xã, phường, thị trấn Hà Nội. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 983tr.; 24cm.. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

959.731 X100P/VV.0017990

324. 12-2-1968: Ký ức kinh hoàng về cuộc thảm sát Phong Nhất, Phong Nhị/ Koh Kyoung Tae. - Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2020. - 436tr.; 24cm.

959.7043 M558H/M.176506 - M.176507; VV.0018100 - VV.0018101

PHẦN II: ĐIỀM SÁCH

1. 70 năm quan hệ Việt - Nga và đôi điều về nước Nga: Sách tham khảo/ Vũ Dương Huân. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 207tr.; 24cm.

327.597047 B112M/M.176576 - M.176577; MP.0036565 - MP.0036566; VV.0018152 - VV.0018153

Cách đây 71 năm, đáp ứng tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới, ngày 30/01/1950, Liên Xô là một trong những nước đầu tiên công nhận và chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Ngày này đã đi vào lịch sử quan hệ song phương Việt - Xô và ngày nay là Việt - Nga như một dấu mốc quan trọng, đặt nền móng cho tình hữu nghị bền chặt giữa hai dân tộc và quan hệ hợp tác sâu rộng và toàn diện giữa hai quốc gia.

Kỷ niệm 70 năm Việt - Nga thiết lập mối quan hệ ngoại giao, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách **“70 năm quan hệ Việt - Nga và đôi điều về nước Nga”** của GS.TS. Vũ Dương Huân, bố cục được chia làm hai phần: Phần đầu trình bày lịch sử 70 năm quan hệ Việt Nam - Liên Bang Nga. Qua mỗi giai đoạn lịch sử trong quan hệ hai nước, tác giả đều cố gắng giải mã các hiện tượng của đời sống quốc tế, những tác động trong cạnh tranh chiến lược nước lớn đối với quan hệ Việt - Nga. Phần sau tập trung phân tích những thay đổi trong chiến lược đối ngoại của Liên bang Nga trong 30 năm đầu thế kỷ XXI. Trong phần này, GS.TS. Vũ Dương Huân đã phân tích sâu sắc Học thuyết đối ngoại của Nga năm 2016, luận giải vai trò, vị trí của Việt Nam trong chính sách hướng Đông của Nga, đồng thời đưa ra những gợi ý về chiến lược, phương sách thích hợp mà Việt Nam cần thực hiện trong mối quan hệ với Liên bang Nga nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của quốc gia, dân tộc, tiếp tục củng cố và không ngừng phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga.

2. Văn hóa biển đảo Việt Nam/ Nguyễn Chí Bền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú.... - H.: Chính trị Quốc gia, 2020; 24cm.

Bộ sách là kết quả của chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ: Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam của Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam trong hai năm 2015-2016. Gồm 10 tập, cung cấp cái nhìn tổng quan, chung nhất về văn hóa biển đảo:

T.1: Tổng quan văn hóa biển đảo Việt Nam. - 647tr.

306.09597 V115H/VV.0018104

Trình bày lý thuyết và cách tiếp cận văn hóa biển đảo Việt Nam; tình hình nghiên cứu văn hóa biển đảo Việt Nam ở trong nước và nước ngoài; chủ thể, sự phát triển và giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam. Giới thiệu kinh nghiệm của một số nước trong bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa biển đảo. Phân tích thực trạng, giải pháp và các kiến nghị nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

T.2: Văn hóa biển đảo vùng Đông Bắc Bộ. - 327tr.

306.095973 V115H/VV.0018080

Phân tích, làm rõ các đặc điểm, những giá trị văn hóa đặc trưng của vùng biển đảo Đông Bắc Bộ; hiện trạng khai thác, bảo vệ các giá trị văn hóa biển đảo. Đề xuất giải pháp nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vùng biển đảo Đông Bắc Bộ thời gian tới.

T.3: Văn hóa biển đảo vùng Bắc Trung Bộ. - 418tr.

306.095974 V115H/VV.0018081

Tập trung phân tích, làm rõ các đặc điểm văn hóa, những giá trị văn hóa đặc trưng của vùng biển đảo Bắc Trung Bộ cũng như hiện trạng khai thác và bảo vệ các giá trị văn hóa ấy, từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vùng biển đảo này trong thời gian tới.

T.4: Văn hóa ven biển vùng Nam Trung Bộ. - 463tr.

306.095975 V115H/VV.0018078

Trình bày tình hình nghiên cứu văn hóa ven biển Nam Trung Bộ, diện mạo vùng ven biển Nam Trung Bộ; thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vùng ven biển Nam Trung Bộ (qua nghiên cứu trường hợp ở Đà Nẵng, Hội An, Bình Định). Phân tích các thành tố văn hóa mới và một số vấn đề đặt ra của vùng ven biển Nam Trung Bộ. Từ đó, đề xuất các giải pháp và khuyến nghị trong việc bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa ven biển vùng Nam Trung Bộ.

T.5: Văn hóa đảo và quần đảo vùng Nam Trung Bộ. - 291tr.

306.095975 V115H/VV.0018079

Trình bày cơ sở lý luận về văn hóa đảo và quần đảo vùng Nam Trung Bộ, văn hóa biển đảo của cộng đồng cư dân đảo Cù Lao Chàm, văn hóa biển đảo của cộng đồng cư dân đảo Lý Sơn, huyện đảo Phú Quý, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đồng thời, đưa ra một số giải pháp nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa đảo và quần đảo vùng Nam Trung Bộ.

T.6: Văn hóa ven biển vùng Đông Nam Bộ. - 351tr.

306.095977 V115H/VV.0018076

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đặc điểm địa lý sinh thái nhân văn; Đặc trưng, giá trị của văn hóa biển đảo vùng Đông Nam Bộ. Phân tích thực trạng và những giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của biển đảo vùng Đông Nam Bộ trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh quốc phòng.

T.7: Văn hóa biển đảo vùng Tây Nam Bộ. - 307tr.

306.095979 V115H/VV.0018074

Nghiên cứu đặc điểm văn hóa biển đảo vùng Tây Nam Bộ từ lịch sử hình thành, phát triển đến các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; đặc trưng văn hóa biển đảo vùng Tây Nam Bộ thông qua những thành tố văn hóa tiêu biểu như: Phong tục tập quán, sinh kế, tín ngưỡng, lễ nghi, tri thức dân gian... Phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa biển đảo vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

T.8: Văn hóa biển đảo Phú Quốc. - 291tr.

306.095975 V115H/VV.0018077

Nghiên cứu đặc điểm của văn hóa biển đảo Phú Quốc từ lịch sử hình thành, phát triển đến các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; đặc trưng văn hóa biển đảo Phú Quốc thông qua những thành tố tiêu biểu như: phong tục tập quán, hoạt động sinh kế, tín ngưỡng, lễ nghi, tri thức dân gian... đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa biển đảo Phú Quốc trong thời kỳ mới.

T.9: Quản lý văn hóa biển đảo Việt Nam. - 424tr.

306.09597 V115H/VV.0018075

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về quản lý văn hóa biển đảo, kinh nghiệm quản lý biển đảo của một số nước trên thế giới và của các triều đại phong kiến, các cộng đồng trong lịch sử ở Việt Nam; phân tích thực trạng hoạt động quản lý văn hóa biển đảo ở Việt Nam và hiệu quả của hoạt động quản lý văn hóa biển đảo hiện nay.

3. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019; 24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

Bộ sách “Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội” do PGS.TS. Vũ Văn Quân làm chủ biên là một bộ sách đồ sộ. Đồ sộ không chỉ với khối lượng trên dưới 10 nghìn trang sách (bao gồm 10 tập) mà còn chứa đựng những thông tin cơ bản nhất về vị trí địa lý, diện tích tự nhiên và dân số, diện tích, đời sống kinh tế - văn hóa và nhân vật; giới thiệu di sản vật thể bao gồm các di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật và di tích khảo cổ gắn với toàn bộ 584 đơn vị hành chính cơ sở xã, phường, thị trấn; di sản phi vật thể bao gồm các thư tịch cổ viết về mảnh đất, con người và lịch sử địa phương, các tài liệu địa phương gồm văn khắc, thần tích thần sắc, hương ước, địa bạ và các tài liệu Hán Nôm khác.

Bộ sách được chia thành 10 tập:

T.1: Quận Ba Đình - Quận Cầu Giấy - Quận Tây Hồ. - 935tr.

959.731 H450S/VV.0017976

T.2: Quận Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - Quận Hoàng Mai. - 990tr.

959.731 H450S/VV.0017977

T.3: Quận Đống Đa - Quận Bắc Từ Liêm - Quận Nam Từ Liêm - Quận Thanh Xuân. - 1083tr.

959.731 H450S/VV.0017978

T.4: Huyện Phú Xuyên - Huyện Thanh Trì - Huyện Thường Tín. - 1291tr.

959.731 H450S/VV.0017979

T.5: Quận Hà Đông - Huyện Thanh Oai - Huyện Ứng Hòa. - 1051tr.

959.731 H450S/VV.0017980

T.6: Huyện Chương Mỹ - Huyện Mỹ Đức - Huyện Quốc Oai. - 937tr.

959.731 H450S/VV.0017981

T.7: Huyện Đan Phượng - Huyện Hoài Đức - Huyện Phúc Thọ. - 999tr.

959.731 H450S/VV.0017982

T.8: Thị xã Sơn Tây - Huyện Ba Vì - Huyện Thạch Thất. - 871tr.

959.731 H450S/VV.0017983

T.9: Quận Long Biên - Huyện Gia Lâm - Huyện Mê Linh. - 1039tr.

959.731 H450S/VV.0017984

T.10: Huyện Đông Anh - Huyện Sóc Sơn. - 1082tr.

959.731 H450S/VV.0017985

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 069.554546

● **GIỜ MỞ CỬA:**

- Sáng: 7h30 – 11h30
- Chiều: 13h00 – 16h30
- Nghỉ: Chủ nhật, ngày lễ

● **PHỤC VỤ:**

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*

- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● **ĐỐI TƯỢNG:**

- **Đọc:** Rộng rãi.
- **Mượn:** Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.